

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/DSPT
Ngày 16 - 11 - 2017
V/v: Tranh chấp lỗi đi chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Cầm Văn Thanh.

Các Thẩm phán: Ông Lò Văn Diệt, ông Ngô Xuân Nghiêm.

- Thư ký phiên toà: Ông Đào Ngọc Sơn - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Bà Phạm Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2017/TLPT - DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về Tranh chấp lỗi đi chung.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2017/DSST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 03/2017/QĐPT ngày 23 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị L, chị Lò Thị Ng. Địa chỉ: Tiểu khu X, xã Y, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. *(Đều có mặt).*

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T1, bà Nguyễn Thị T. Địa chỉ: Tiểu khu X, xã Y, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. *(Đều có mặt).*

Người có Quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần Chè Chiềng Ve, huyện Mộc Châu. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc L2, chức vụ: Phó giám đốc Công ty Cổ phần chè Chiềng Ve, huyện Mộc Châu. *(Có mặt).*

- Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T2 - Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đất đai huyện Mộc Châu. *(Có mặt).*

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Hữu T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Đặng Thị L1 và chị Lò Thị N trình bày: Gia đình bà L1, chị N có một đồi chè nằm sâu phía trong đồi chè của gia đình ông Thọ bà T. Để đi vào đồi chè Nông trường Chiềng Ve nay là Công ty Cổ phần Chè

Chiềng Ve đã làm một con đường dân sinh để cho Công nhân đi lại chở vật tư, nông sản đi trên con đường này. Vị trí giáp phần đất nhà ông Thọ đã được Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt GNCQSDĐ) năm 2009.

Do có sự mâu thuẫn nên gia đình ông T1 đã chặt cây, chặt bờ rào cây mây đổ xuống con đường chặn lối đi chung, ngăn cản, cấm không cho ai qua lại. Gia đình ông T1 cho rằng con đường này nằm trong GCNQSDĐ của gia đình ông đã được cấp nên không cho ai đi lại.

Gia đình bà L1, chị N và bà con nhân dân là người thường xuyên đi qua con đường này để vào vườn chè, chở vật tư nông sản, chăm sóc, thu hái theo lối đi chung. Gia đình ông Thọ do có sự mâu thuẫn cá nhân nên đã chặn lại lối đi chung làm ảnh hưởng đến việc đi lại của bà con nhân dân. Nguyên đơn bà L1, chị N khởi kiện đề nghị Tòa án, buộc gia đình ông T1 tháo dỡ bờ rào trả lại con đường là lối đi chung như trước đây.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu T1, bà Nguyễn thị T1 trình bày:

Gia đình ông bà đã được UBND huyện cấp GCNQSDĐ, theo số: 931315. Quyết định số: 1077/QĐ-UBND ngày 11/8/2009 năm 2009, có sơ đồ, vị trí, diện tích cụ thể, ông bà vẫn sử dụng đúng hiện trạng diện tích đất được cấp, không có tranh chấp và lấn chiếm đất của ai. Đất đang tranh chấp là con đường mà bà con nhân dân vẫn thường đi lại, do ông cho Nông trường Chiềng Ve mượn đất. Việc mượn đất để làm đường này là do ông Trần Ngọc L2 nay là Phó giám đốc công ty Cổ phần chè Chiềng Ve hỏi mượn. Đề nghị Tòa án đo đạc thực tế để xác định diện tích đất của gia đình ông được cấp. Việc bà Đặng Thị L1 và chị Lò Thị N khởi kiện, buộc gia đình ông phải tháo dỡ bờ rào trả lại con đường là lối đi chung như trước đây là không có căn cứ.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Công ty Cổ phần chè Chiềng Ve trình bày.

Con đường hiện đang có tranh chấp giữa bà L1, chị N với ông T1, bà T là thuộc đất của Nông trường Chiềng Ve có từ trước năm 1969; con đường này Nông trường mở để Công nhân và nhân dân đi lại chở nông sản và vật tư theo quy hoạch đường giao thông liên đội.

Công ty xác định vị trí con đường như sau: 01 bên là giáp với đất chè của hộ gia đình ông Tạo; 01 bên giáp hàng Xoan bờ rào cây Mây gia đình ông T1 trồng để phân định ranh giới, con đường rộng khoảng 3 đến 4m. Khi cấp đất cho ông T1, Công ty không được tham gia, ký ranh giới giáp ranh.

Chiều dài con đường hiện đang tranh chấp là 42m, chạy dọc theo sát mép hàng rào nhà ông T1 và đồi chè nhà ông Tạo, hết phần đất nhà ông Thọ thì con đường này nối tiếp vào con đường cũ là lối đi chung vẫn đi lại.

Việc ông T1 khai Nông trường mượn đất nhà ông T1 để làm đường đi lại là

không đúng. Với lý do đất nhà ông T1 được cấp trước đây thuộc sự quản lý, sử dụng của Nông trường.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Mộc Châu trình bày.*

Thời điểm cấp GCNQSDĐ cho các hộ trong xã Chiềng Sơn, trong đó có hộ của gia đình ông T1, bà T. UBND huyện Mộc Châu thuê đơn vị tư vấn đo để cấp GCNQSDĐ cho các hộ. Khi đơn vị tư vấn đo khảo sát quá trình biên tập bản đồ như trích lục bản đồ vào GCNQSDĐ, không thể hiện ranh giới có một con đường dân sinh lối đi chung để cho Công nhân Nông trường đi lại chở Nông sản vật tư. Mà chỉ kẻ một đường thẳng và ghi đôi chè. Do đó hộ gia đình ông T1 cho rằng đất của ông nằm sát đôi chè theo chiều dài đường dân sinh là 42m.

Nguyên nhân khi đo khu vực này chỉ có một hộ gia đình ông T1 được cấp GNCQSDĐ. Do đó, đơn vị tư vấn chỉ đo tổng thể phần đất của ông T1 như hiện trạng mà không đo tổng thể các khu đất liền kề nên không ghi chỉ giới tứ cận, các điểm tiếp giáp.

Về hướng khắc phục.

Sau khi Tòa án xét xử, xác định phần đất đang tranh chấp không phải là đất của hộ ông T1 được cấp. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai sẽ có trách nhiệm đính chính GCNQSDĐ theo đúng hiện trạng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 20/2017/DSST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 106, Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Đặng Thị L1 và chị Lò Thị N, về việc yêu cầu buộc hộ gia đình ông Nguyễn Hữu Thọ và bà Nguyễn Thị T trả lại con đường lối đi chung.

2. Buộc hộ gia đình ông Nguyễn Hữu Thọ và bà Nguyễn Thị T trả lại con đường là lối đi chung cho Công ty Cổ phần chè Chiềng Ve để làm lối đi chung cho Công nhân và Nhân dân đi lại chở vật tư, nông sản cụ thể như sau.

Về chiều dài của con đường.

Phía Tây và phía Bắc mép một bên của con đường giáp phần đất của hộ gia đình ông T1, bà T có chiều dài là 42,0m (tính từ điểm số 10 đến số 11 là hai điểm nối vào hai đầu đường con đường đang bị chặn);

Phía Tây và phía Bắc mép một bên của con đường giáp đôi chè nhà ông Tào nối tiếp vào phần đầu của hai điểm hai đầu con đường có chiều dài 42,0m.

Về chiều rộng của con đường

Phía Bắc tính từ điểm số 10 là sát mép đất của gia đình ông Thọ đo ngang sang đến đôi chè nhà ông Tào có chiều rộng là 3,9m.

Phía Tây tính từ điểm số 11 là sát mép đất của gia đình ông T1 đo ngang sang đến đôi chè nhà ông Tạo có chiều rộng là 3,9m.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La đính chính lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Hữu T1 và bà Nguyễn Thị T tại Quyết định số 1077/QĐ-UBND ngày 11/8/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu là hết phần đất nhà ông Nguyễn Hữu T1 và bà Nguyễn Thị T được cấp là con đường theo số liệu đo đạc thực tế.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn xử lý về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/9/2017 bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 có đơn kháng cáo, nội dung không nhất trí với quyết định của bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

** Ý kiến tranh luận của bị đơn ông Nguyễn Hữu T1, bà Nguyễn Thị T.*

Năm 2002 Nông trường Chè xin mượn đất của gia đình ông để mở lối đi từ đôi chè đi xuống, ông nhất trí. Năm 2009 Nhà nước cấp GCNQSDĐ đúng với hình thể thửa đất của gia đình ông đang sử dụng giáp với đôi chè, trong sơ đồ không thể hiện có đường đi, vì con đường đó nằm trong phần đất của ông. Bà L1, chị N cho rằng con đường đó là lối đi chung là không có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét bác đơn khởi kiện của bà L1 và chị N.

** Ý kiến tranh luận của bà Đặng Thị L1, chị Lò Thị N.*

Bà L1, chị N xác định con đường này có từ trước khi ông Thọ, bà T chuyển đến sinh sống. Công nhân và bà con nhân dân vẫn đi lại để vào đôi chè, nay ông T1 lấn chiếm đường đi, khiến công nhân không có lối đi vào đôi chè để thu hoạch Nông sản. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Ý kiến tranh luận của ông Trần Ngọc L2.*

Ông Linh xác nhận Công ty không mượn đất của ông Thọ, con đường này có từ năm 1969, trước thời điểm ông Thọ được cấp GCNQSDĐ, đất của ông T1 thuộc sự quản lý của Công ty nên không có sự mượn đất. Đề nghị ông T1 trả con đường là lối đi chung cho nhân dân, công nhân để đi lại thu hoạch Nông sản, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Ý kiến tranh luận của Đại diện UBND huyện Mộc Châu (ông Nguyễn Hữu T2)*

Thời điểm cấp GCNQSDĐ cho các hộ trong xã Chiềng Sơn, trong đó có hộ gia đình ông T1, bà T. UBND huyện Mộc Châu có thuê đơn vị tư vấn đo khảo sát, trong quá trình kiểm tra đo đạc, vẽ sơ đồ có sơ suất nên sơ đồ của ông T1 chỉ vẽ một đường thẳng giáp đôi chè, không vẽ đoạn đường tiếp giáp với ông T1 và đôi chè. Nên ông T1 nghĩ đất của ông giáp với đôi chè. Qua kiểm tra thực tế diện tích đất của ông T1, đã trừ đoạn đường lối đi chung thấy diện tích đất của ông T1 đúng, đủ theo GCNQSDĐ. Nên đề nghị Tòa xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm.

** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử luôn thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Lối đi chung để phục vụ cho Công nhân và bà con nhân dân đi lại chở vật tư, nông sản, được hình thành trước khi gia đình ông T1 về sinh sống tại đó. Qua xem xét thẩm định, diện tích đất của ông Thọ đủ, đúng với diện tích theo CNQSDĐ sau khi đã trừ đi lối đi chung. Do đó, ông T1 cho rằng lối đi chung nằm trong GCNQSDĐ của ông là không có căn cứ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu T1 cho rằng, đất của gia đình ông được cấp theo sơ đồ tiếp giáp với đôi chè nhà ông Tạo. Con đường mà người dân đi lại hiện đang tranh chấp là ông cho Nông trường mượn để làm lối đi chung vào đôi chè. Hội đồng xét xử thấy rằng, tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ lần hai xác định, diện tích đất thực tế của ông T1 đang quản lý sử dụng, sau khi đã trừ lối đi chung, diện tích đất còn lại đúng và đủ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp. Việc vẽ sơ đồ thửa đất đã được cơ quan có thẩm quyền xác định, khi vẽ đã có sự thiếu sót là không đo tổng thể khu đất, không xác định tứ cạnh tiếp giáp vì khu đất đó chỉ có một hộ gia đình của ông Thọ. Do đó, ông T1 cho rằng đất của ông tiếp giáp với đôi chè không có con đường. Việc thiếu sót này cơ quan có thẩm quyền xin đính chính lại GCNQSDĐ đối với hộ gia đình ông Thọ là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Về nguồn gốc lối đi chung: Ông T1 cho rằng ông cho Nông trường mượn đất để làm lối đi chung là không có căn cứ để chấp nhận. Bởi lẽ, tại cấp sơ thẩm, phúc thẩm, ngoài lời khai của ông T1 ra không có tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh. Toàn bộ diện tích đất của ông T1 được cấp, trước đây thuộc quyền quản lý và sử dụng của Nông trường nên không phải mượn đất của ai khác để làm lối đi chung. Lối đi chung vào đôi chè được hình thành trước khi gia đình ông Thọ chưa về đó sinh sống.

[3] Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc gia đình ông T1 trả lại con đường là lối đi chung cho Công ty Cổ phần chè Chiềng Ve là hoàn toàn có căn cứ đúng pháp luật.

Từ sự phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm phù hợp với quan điểm của Kiểm sát viên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hữu T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 20/2017/DSST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn bà Đặng Thị L1, chị Lò Thị N, buộc hộ gia đình ông Nguyễn Hữu T1, bà Nguyễn Thị T trả lại con đường lối đi chung.

2. Buộc hộ gia đình ông Nguyễn Hữu Thọ và bà Nguyễn Thị T trả lại con đường là lối đi chung cho Công ty Cổ phần chè Chiềng Ve để làm lối đi chung cho Công nhân và Nhân dân đi lại chở vật tư, nông sản cụ thể như sau.

Về chiều dài của con đường.

Phía Tây và phía Bắc mép một bên của con đường giáp phần đất của hộ gia đình ông T1 bà T có chiều dài là 42,0m (tính từ điểm số 10 đến số 11 là hai điểm nối vào hai đầu đường con đường đang bị chặn);

Phía Tây và phía Bắc mép một bên của con đường giáp đồi chè nhà ông Tạo nối tiếp vào phần đầu của hai điểm hai đầu con đường có chiều dài 42,0m.

Về chiều rộng của con đường

Phía Bắc tính từ điểm số 10 là sát mép đất của gia đình ông T1 đo ngang sang đến đồi chè nhà ông Tạo có chiều rộng là 3,9m.

Phía Tây tính từ điểm số 11 là sát mép đất của gia đình ông T1 đo ngang sang đến đồi chè nhà ông Tạo có chiều rộng là 3,9m.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La đính chính lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Hữu T1, bà Nguyễn Thị T tại Quyết định số: 1077/QĐ-UBND ngày 11/8/2009 của Ủy ban nhân dân huyện Mộc Châu là hết phần đất nhà ông Nguyễn Hữu T1, bà Nguyễn Thị T được cấp là con đường theo số liệu đo đạc thực tế.

4. Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Hữu Thọ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số: 03772 ngày 18/9/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về án phí không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- TAND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THA huyện Mộc Châu;
- Phòng KTNV – THA;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Cầm Văn Thanh

